



ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM
THÀNH PHỐ TAM KỲ
BỘ QUẢN LÝ "VÌ NGƯỜI NGHÈO"

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

KẾT QUẢ XÂY DỰNG NHÀ ĐẠI ĐOÀN KẾT
30 tháng 5 năm 2023

DVT: Triệu đồng

TT		Họ tên	Địa chỉ	Xây dựng mới	Sửa chữa	Đã hoàn thành	Tổng số tiền	NGUỒN HỖ TRỢ					Ghi chú	
								Tỉnh	Huyện	Xã, phường	KDC, GP, tộc họ	Đối tượng khác		
TAM THĂNG								25 000			25 000			
1	01	Trương Thị Hồng	Vĩnh Bình	x			20 000				20,000			
2	02	Huỳnh Văn Sỹ	Kim Đôi	x			5 000				5,000			
TRƯỜNG XUÂN								7 000			7 000			
3	1	Đoàn Thị Huệ	Xuân Tây	x			6 000				6 000			
4	2	Đình Tạc	Xuân Tây	x			1 000				1 000			
HOÀ THUẬN								30 000			30 000			
5	1	Đỗ Thị Tâm	Thuận Trà	x			15 000				15 000			
6	2	Trần Ngọc Đăng	Trà Cai	x			15 000				15 000			
TAM NGỌC								14 000			10 000	4 000		
7	1	Trịnh Thị Suong	Đồng Phú	x			14 000				10 000	4 000		
TAM PHÚ								20 000			20 000			
8	1	Đình Thị Hoà	thôn Phú Quý	x			20 000				20 000			
TÂN THÀNH								95 820			20 000	51 260	104 560	
9	1	Lê Thị Thu Lan	Mỹ Thạch Tây	x			53 260				10 000	43 260	80 000	Bộ tư lệnh
10	2	Huỳnh Thị Can	Đoan Trai	x			42 560				10 000	8 000	24 560	Hội
AN SON								3 000			3 000			
11	1	Nguyễn Thị Hiền	Khởi phố 7	x			3 000				3 000			
PHƯỚC HOÀ								30 762			15 000	15 762		
12	1	Nguyễn Thị Tánh	Khởi phố 3	x			30 762				15 000	15 762		
AN MỸ								50 000			50 000			
13	1	Nguyễn Duy Bình	KP Mỹ Bắc	x			50 000		50 000					theo yêu cầu đơn vị
								176 762			50 000	130 000	19 762	

Người lập bảng

Handwritten signature

Nguyễn Thị Hồng Phương

TM. BAN XÃ HỘI ĐỒNG QUỸ "VÌ NGƯỜI NGHÈO"

TRƯỞNG BAN



Handwritten signature

Nguyễn Ba

QUỸ CỨU TRỢ
THÀNH PHỐ TAM KỲ

KẾT QUẢ TIẾP NHẬN ỦNG HỘ QUỸ CỨU TRỢ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị	Dư đầu kỳ	Quỹ địa phương vận động được			Ung hộ bằng hình thức khác quỹ ra tiền (lãi KBNN)	Các địa phương khác chuyển về	Quỹ Trung ương chuyển về	Quỹ tỉnh chuyển về	Cộng quỹ
		Cấp tỉnh	Cấp Huyện	Cấp xã					
Tam Kỳ	32.226.454								
Tổng cộng	32.226.454	0	0	0	-	0	0	855.000.000 855.000.000	887.226.454 887.226.454

ĐVT: Đồng

Người lập bảng



Nguyễn Thị Hồng Phương

TM BAN VẬN ĐỘNG CỨU TRỢ
TRƯỜNG BAN



Nguyễn Ba

**QUỸ CỨU TRỢ
THÀNH PHỐ TÀM KỲ**

KẾT QUẢ PHÂN BỐ QUỸ CỨU TRỢ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

DVT:

Địa phương	Hỗ trợ nhà ở			Hỗ trợ nạn nhân bị thiên tai		Giúp khám chữa bệnh		Giúp học sinh học tập		Trợ giúp cứu đói, tặng quà thăm hỏi, trợ cấp khó khăn		Hỗ trợ khác	Tổng số tiền đã sử dụng	Tồn Qu
	Xây mới	Sửa chữa		Số người	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	SL	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền			
Tam Kỳ			115	2	5.000.000					50	50.000.000		860.000.000	27.2
Tổng cộng	0	0	115	2	5.000.000	0	0	0	0	50	50.000.000	0	860.000.000	27.226.4

Người lập bảng



Nguyễn Thị Hồng Phụng

TM. BAN VẬN ĐỘNG CỨ TRỢ

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Ba

ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM
THÀNH PHỐ TÂY KỲ
BAN THƯỜNG TRƯC

BIỂU TÔNG HỢP SỐ LIỆU
Kết quả vận động, phân bổ và sử dụng nguồn lực ứng hộ phòng, chống dịch Covid-19
(Năm 2020-Tháng 4/2023)

(Đơn vị tính: Đồng)

Số TT	Đơn vị báo cáo	Số dư đầu năm	Tổng số tiền đã tiếp nhận	TRONG ĐÓ					TRONG ĐÓ				Số tồn
				Số tiền tiếp nhận được trên địa bàn	Số tiền do MTTQ TV, tỉnh, huyện phân bổ	Số tiền do MTTQ địa phương khác hỗ trợ	Thu khác	Tổng số tiền đã phân bổ sử dụng	Số tiền sử dụng tại địa phương	Số tiền chuyển về MTTQ huyện, tỉnh, từ nguồn ứng hộ phòng, chống COVID	Số tiền trả lại MTTQ tỉnh, huyện cho công tác PC dịch	Số tiền chuyển trực tiếp cho Quỹ Vắc xin tỉnh, huyện,	
	Tổng cộng năm 2020-đến tháng ngày 30/4/2023	(A)	(B) = 2+...+5	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)		(7)	(8)	(9)	(C)=A+B-6
	Năm 2020	0	3.814.158.843	2.875.278.843	938.880.000	0	0	3.515.340.343	3.112.340.343	403.000.000	0	0	298.818.500
I	Cấp xã	0	1.133.864.103	680.864.103	453.000.000	0	0	983.526.000	978.526.000	5.000.000	0	0	150.338.103
	Cấp huyện	0	334.580.000	334.580.000		0	0	310.621.000	305.621.000	5.000.000			23.959.000
II	Cấp huyện	0	799.284.103	346.284.103	453.000.000	0	0	672.905.000	672.905.000				126.379.10
	Năm 2021	150.338.103	2.411.414.740	2.194.414.740	217.000.000	0	0	1.944.243.900	1.546.243.900	398.000.000	0	0	617.508.943
I	Cấp xã	23.959.000	1.131.588.000	1.131.588.000				703.032.500	505.032.500	198.000.000			452.514.500
II	Cấp huyện	126.379.103	1.279.826.740	1.062.826.740	217.000.000			1.241.211.400	1.041.211.400	200.000.000			164.994.44
	Năm 2022	617.508.943	268.880.000	0	268.880.000	0	0	498.242.000	498.242.000	0	0	0	388.146.943
I	Cấp xã	452.514.500	68.880.000	0	68.880.000			221.242.000	221.242.000				300.152.500
II	Cấp huyện	164.994.443	200.000.000		200.000.000			277.000.000	277.000.000				87.994.44
	Đến tháng 4/2023	388.146.943	0	0	0	0	0	89.328.443	89.328.443	0	0	0	298.818.500
I	Cấp xã	300.152.500	0	0	0	0	0	1.334.000	1.334.000				298.818.500
II	Cấp huyện	87.994.443	0	0	0	0	0	87.994.443	87.994.443				

NGƯỜI TÔNG HỢP

Nguyễn Thị Hồng Phượng

Nguyễn Thị Hồng Phượng



Nguyễn Ba